

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 08/2024/HSST
Ngày: 07/3/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Sỹ Thắng

2. Bà Viên Thị Minh

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương, Thư ký, TANDH. Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 06/02/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST- HS ngày 21/02/2024 đối với bị cáo:

Lường Văn Đ, sinh năm 1997

Nơi cư trú: **Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.**

Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: Lớp 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: **Lường Văn H**, sinh năm 1969; Con bà: **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1971; Vợ: **Trần Thị N**, sinh năm 2001. Có 01 con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ từ ngày 13/12/2023 đến ngày 19/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: **Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: **Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/12/2023, sau khi hết giờ làm việc buổi chiều, tổ thợ sơn của Lương Văn Đ được gia đình anh Đỗ Văn H1 mời ở lại ăn cơm. Đến khoảng 19h00 cùng ngày, Đ ra về. Khi đi qua khu vực gian phòng thờ của gia đình anh H1, Đ quan sát thấy hệ trước gian phòng thờ có 01 máy cắt sắt và 01 máy hàn (của anh Nguyễn Đình T là thợ cơ khí đang thi công cho nhà anh H1 gửi lại). Do đang thiếu tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Đ nảy sinh ý định lấy chiếc máy cắt sắt bán lấy tiền. Lúc này, Đ quan sát thấy anh H1 và những người thợ khác đang ăn cơm, không ai để ý nên Đ đi lại lấy chiếc máy cắt sắt để lên xe mô tô của mình rồi điều khiển xe đi tìm nơi bán.

Khi đến xã Q, huyện Q, Đ quan sát thấy một cửa hàng sửa chữa máy cơ khí của nhà chị Nguyễn Thị L. Đ đi vào gặp chị L và nói: “Em có máy cắt này không dùng nữa cần tiền nên bán, chị có mua không, em bán cho”. Chị L gọi điện cho chồng là Nguyễn Trọng H2 để hỏi xem có mua không. Anh H2 trả giá 600.000đ, nhưng Đ đòi 700.000đ mới bán nên anh H2 bảo chị L không mua. Lúc này, anh Nguyễn Hồng Q (là công nhân làm đường đang ở nhà chị L) thấy Đ bán chiếc máy cắt sắt còn mới nên hỏi mua lại. Sau khi thỏa thuận, Đ đồng ý bán lại cho anh Q với giá 700.000đ, sau đó Đ ra về. Số tiền bán chiếc máy cắt sắt Đ tiêu xài cá nhân hết. Anh Nguyễn Hồng Q sau khi mua được chiếc máy cắt sắt, do bận công việc nên gửi máy cắt sắt lại nhà chị L.

Đến ngày 13/12/2023, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, biết không thể trốn tránh được nên Đ đến Cơ quan CSĐT huyện Q đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên. Đối với vật chứng là chiếc máy cắt sắt nhãn hiệu DEKTON 355. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, chị Nguyễn Thị L đã giao nộp lại để phục vụ điều tra.

Theo báo cáo của anh Nguyễn Đình T, tài sản bị mất trộm là chiếc máy cắt sắt nhãn hiệu DEKTON 355 màu xanh, anh mua mới tháng 12/2023 với giá là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại bản Kết luận định giá số 27/UBND-HĐĐGTS ngày 15/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Q kết luận: Chiếc máy cắt sắt nhãn hiệu DEKTON 355 màu xanh đã cũ, đã qua sử dụng tại thời điểm bị mất trộm trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Vật chứng:

* Đối với 01 máy cắt sắt nhãn hiệu DEKTON 355 nêu trên. Quá trình điều tra đã xác định anh **Nguyễn Đình T** là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 18/12/2023, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho anh **T**.

* Đối với xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ không rõ BKS **Lường Văn Đ** sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, **Đ** khai đã bán lại cho một người đàn ông đi đường không quen biết tại **thành phố T** nên Cơ quan điều tra không thể tiến hành truy thu.

* Cơ quan CSĐT đã trích xuất Camera tại nhà anh **Nguyễn Trọng H2** phần Video có liên quan đến vụ án ghi lại vào đĩa CD và trưng cầu phòng PC09-**Công an tỉnh T**. Tại bản Kết luận giám định số 113/KL-KTHS ngày 10/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định, kết luận:

Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 01 (một) tập Video của 01 (một) đĩa CD màu vàng gửi giám định.

Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đã hoàn trả lại đối tượng giám định và được lưu vào hồ sơ vụ án.

Về bồi thường dân sự: Anh **Nguyễn Đình T** là chủ sở hữu hợp pháp đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với anh **Nguyễn Hồng Q** khi mua máy cắt sắt của **Đ**, anh **Q** không biết tài sản trên là do **Đ** trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý **Q**. Quá trình điều tra anh **Q** không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về dân sự.

Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSQX ngày 06/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo **Lường Văn Đ** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo trong cáo trạng và đề nghị HĐXX căn cứ: khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 BLHS.

Xử phạt: **Lường Văn Đ** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/3/2023.

Về bồi thường dân sự: Bị hại anh **Nguyễn Đình T** đã nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu gì về phần dân sự, đề nghị HĐXX không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Hồng Q** không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận: Vào khoảng 19h00 ngày 11/12 /2023 tại nhà anh **Đỗ Văn H1** ở **thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**, **Lường Văn Đ** đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh **T** đã lén lút trộm 01 máy cắt bàn nhãn hiệu DEKTON 355 màu xanh của anh **Nguyễn Đình T** là thợ cơ khí đang thi công cho nhà anh **Đỗ Văn H1** gửi lại, trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Sau đó chở bằng xe mô tô của mình đến cửa hàng sửa chữa máy cơ khí của gia đình chị **Nguyễn Thị L** ở **thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa** bán lại cho anh **Nguyễn Hồng Q** với giá 700.000đ, lấy tiền tiêu xài cá nhân.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo **Lường Văn Đ** phạm tội Trộm cắp tài sản. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[4] Hành vi Trộm cắp tài sản của **Lường Văn Đ** là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của anh **Nguyễn Đình T** một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn trong khu vực. Bị cáo là thanh niên trẻ, không chịu khó lao động, tu dưỡng rèn luyện bản thân, muốn hưởng thụ trên mồ hôi nước mắt của người khác. Bị cáo trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản để có tiền tiêu sài cho cá nhân; Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

{5} Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội đã đến **Công an huyện Q** đầu thú

nên áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo được cải tạo tại địa phương bằng hình thức cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[6]*Bồi thường dân sự*: Bị hại anh **Nguyễn Đình T** đã nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu gì về phần dân sự, HĐXX không xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Hồng Q** không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nên HĐXX không xem xét.

[8] *Án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo **Lường Văn Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- ***Xử phạt***: **Lường Văn Đ** 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/3/2024.

Giao bị cáo **Lường Văn Đ** cho **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Bồi thường dân sự*: Bị hại anh **Nguyễn Đình T** đã nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu gì về phần dân sự, HĐXX không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Hồng Q** không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nên HĐXX không xem xét.

-**Án phí:** Áp dụng Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Buộc bị cáo **Lường Văn Đ** phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại anh **Nguyễn Đình T** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Hồng Q** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND H.Quảng Xương;
- CAH.Quảng Xương;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADSH.Quảng Xương;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Lý